

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HC-ST

Ngày 10 - 01 - 2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Toàn

2. Ông Quảng Văn Chính

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 85/2024/TLST-HC, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2152/2024/QĐST-HC ngày 20/12/2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thế P và bà Phạm Thị Thu H.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 8, thị trấn Phố R, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Hà Tiến D.

Địa chỉ: Số nhà 225, đường Phùng Chí K, tổ 15 phường Bắc L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Khu hành chính huyện Bảo Y, tổ dân phố số 3, thị trấn Phố R, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng T - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện B. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện Anh Hà Tiến D trình bày:

Thực hiện Quyết định chủ trương đầu tư số 5689/QĐ-UBND ngày

19/12/2017 của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) tỉnh Lào Cai về việc thực hiện dự án đầu tư “Thủy Điện Phúc Long” tại các xã P và xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Từ năm 2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B đã tiến hành lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông P, bà H như sau:

Ngày 21/10/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2776/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất hộ ông Nguyễn Thế P tại tổ 8 (8C), thị trấn P để xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long: Tổng diện tích bị thu hồi là 4.561,8m²

- Địa điểm lô đất: Tổ 8 (8c cũ) thị trấn Phố Giàng, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Vị trí và mục đích sử dụng đất: Tờ bản đồ 35, thửa số 166, Diện tích 2.841,4 m², đất nuôi trồng thủy sản; Thửa số 178, Diện tích 1.720,4 m², đất trồng cây lâu năm.

Cùng ngày 21/10/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2717/QĐ-UBND, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long, huyện B, tỉnh Lào Cai (Lần 7) đối với 75 hộ trong đó có hộ ông P.

Theo Quyết định số 2717/QĐ-UBND, phê duyệt phương án bồi thường thì hộ ông P được bồi thường tổng số tiền là: 956.719.956 đồng gồm (Tiền giá trị về đất: 159.585.200 đồng; Giá trị về tài sản: 392.537.596 đồng; Giá trị về hoa màu: 23.930.460 đồng; Chính sách hỗ trợ: 380.666.700 đồng). Về nội dung này ông P không có ý kiến gì.

Theo Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện B, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình thủy điện Phúc Long, huyện B, tỉnh Lào Cai tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ gia đình ông P số tiền là: 934.154.576 đồng (giá trị tài sản). Ông P cho rằng UBND huyện B áp giá bồi thường tại phụ lục IV.8.a X (nhân) đơn giá là 72.000 đồng/m³ là không đúng vì các lý do sau đây:

Về nguồn gốc đất:

Năm 1999 bố đẻ ông P là ông Nguyễn Thế T được cấp GCNQSD đất là đất trồng lúa, trong quá trình sử dụng đến năm 2003 ông T đào ao thả cá và tận dụng đất thừa để làm gạch, đào ao ông P đã sử dụng phương pháp thủ công dùng cuốc, xẻng, xe trâu vận chuyển cho Công nông chở đi. Năm 2015, có thuê máy về chỉnh sửa lại bờ ao, năm 2009 gia đình ông P làm thủ tục chuyển đổi GCNQSD đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản (Đất ao) mang tên hộ ông P, bà Hà.

Theo nhiệm vụ của tổ công tác giải phóng mặt bằng đã xác định được khối lượng và phương thức như sau:

+ Độ sâu của ao là 4,88m, khối lượng đào ao bằng hình thức thủ công là: 12.479m³; Phần đào ao bằng máy (sửa đắp bờ) là: 1.386,6m³; Diện tích đất ao bị thu hồi thực tế là 2.841,4m² tại thửa số 35, tờ bản đồ số 166 theo GCNQSD đất số phát hành AI 167156.

+ Hình thức đào ao: Đào bằng thủ công, chỉnh sửa bờ ao bằng máy.

Sau khi xác định được khối lượng, độ sâu và phương thức đào ao, Trung tâm phát triển quỹ đất và UBND thị trấn Phố Ràng, huyện B đã tiến hành niêm

yết công khai, hết thời hạn niêm yết công khai không có tổ chức, cá nhân nào có ý kiến gì.

Như vậy, quá trình đào ao và chuyển mục đích sử dụng đất đã được cơ quan quản lý đất đai công nhận, trong quá trình gia đình đào ao và tận dụng đất thừa để làm gạch ông P cũng không bị cơ quan, tổ chức nào lập biên bản, hoặc bị xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ vào các biên bản kiểm đếm, thẩm tra, xác minh, hết thời hạn niêm yết công khai, ngày 29/5/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B đã lên phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 ban hành quy định một số nội dung bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể:

Tại phụ lục IV.8.a (Gạch đầu dòng thứ 2) áp giá theo phương thức “*Chiều sâu trung bình của ao > 1,7m*” X (nhân) với đơn giá là 148.500 đồng/m³ ông P được hỗ trợ bồi thường tiền công đào ao là 1.888.831.000 đồng. Ông P nhất trí với phương án bồi thường này của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B .

Tuy nhiên, Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện B Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình thủy điện Phúc Long, phê duyệt cho gia đình ông số tiền là: 934.154.576 đồng, lý do UBND huyện B cho rằng ông T đào đất để làm nguyên liệu sản xuất gạch, sau đó tỉnh Lào Cai có chương trình xóa bỏ lò gạch thủ công. Tận dụng địa hình có sẵn sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, từ đó áp giá bồi thường tại phụ lục IV.8.a X (nhân) đơn giá là 72.000 đồng/m³ ông P cho rằng gia đình ông được hỗ trợ bồi thường tiền công đào ao là 934.154.576 đồng là không đúng.

Đến nay, ông P và bà H nhận thấy việc UBND huyện B quyết định áp giá như vậy là thiếu: 954.676.424 đồng, cụ thể: Nếu áp giá theo phương án của Trung tâm phát triển quỹ đất thì số tiền là 1.888.831.000 đồng. Nhưng do gia đình ông P, bà H đã nhận số tiền 934.154.576 đồng nên đến nay còn thiếu là 954.676.424 đồng.

Vì vậy ông Phòng, bà H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai:

1/ Hủy Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện B , Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình thủy điện Phúc Long.

2/ Buộc UBND huyện B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, áp giá theo phụ lục IV.8.a (Gạch đầu dòng thứ 2) của Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Lào Cai, theo đơn giá mà Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B đã lên phương án là: 1.888.831.000 đồng, bổ sung bồi thường cho ông P, bà H số tiền còn thiếu là: 954.676.424 đồng.

Người bị kiện UBND huyện B , tỉnh Lào Cai trình bày:

Theo đơn khởi kiện của ông P , UBND huyện B có ý kiến như sau:

- Ngày 11/11/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường (viết tắt TN&MT) nhận được văn bản số 356/TTPTQĐ-GPMB của Trung tâm Phát triển quỹ đất

huyện B về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án thủy điện Phúc Long.

Phòng TN&MT thẩm định trên nguyên tắc hồ sơ do Trung tâm phát triển quỹ đất lập và thẩm định về đơn giá áp dụng để tính hỗ trợ khối lượng ao đào của ông P, Trung tâm Phát triển quỹ đất chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ gửi kèm và khối lượng kiểm tra ao đào của ông P.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập và gửi kèm, căn cứ vào các quy định hiện hành, phòng TN&MT có Thông báo số 37/TB-TNMT ngày 18/3/2024 về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng công trình Thủy điện Phúc Long cụ thể:

Tại Tờ trình số 356/TTPTQĐ-GPMB ngày 11/11/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất trình thẩm định giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản (khối lượng đào ao) của hộ ông P là: 1.888.831.000 đồng, trong đó:

- Đào ao bằng hình thức thủ công, chiều sâu trung bình > 1,7m (90%) là: $12.479,4\text{m}^3 \times \text{đơn giá } 148.500\text{đ}/\text{m}^3 = 1.853.195.177$ đồng

- Phần đào ao bằng máy (sửa, đắp bờ), chiều sâu trung bình > 1,7m (10%) là: $1.386,6\text{m}^3 \times \text{đơn giá } 25.700\text{đ}/\text{m}^3 = 35.635.702$ đồng

Sau khi thẩm định và kiểm tra hồ sơ, phòng TN&MT xác định khối lượng đào ao bằng thủ công của ông P được áp dụng đơn giá $72.000\text{đ}/\text{m}^3$. Cụ thể:

Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản (khối lượng đào ao) ông P là: 934.155.000 đồng trong đó:

- Đào ao bằng hình thức thủ công, chiều sâu trung bình > 1,7m (90%) là: $12.479,4\text{m}^3 \times \text{đơn giá } 72.000\text{đ}/\text{m}^3 = 898.528.874$ đồng.

- Phần đào ao bằng máy (sửa, đắp bờ), chiều sâu trung bình > 1,7m (10%) là: $1.386,6\text{m}^3 \times \text{đơn giá } 25.700\text{đ}/\text{m}^3 = 35.635.702$ đồng.

Tổng cộng: 934.154.576 đồng.

Như vậy, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình thủy điện Phúc Long là đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành vì các đương sự đều giữ nguyên quan điểm của mình. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 66, Điều 69, Điều 83 Luật Đất đai 2013. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Thế P, bà Phạm Thị Thu H; Tuyên án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện là Anh Hà Tiến D và Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện UBND huyện B là ông Nguyễn Văn Nhất đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thế P và bà Phạm Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện B, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long.

- Buộc UBND huyện B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, áp giá theo phụ lục IV.8.a (Gạch đầu dòng thứ 2) quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Lào Cai, theo đơn giá mà Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B đã lên phương án là: 1.888.831.000 đồng, bồi thường bổ xung cho ông P, bà H số tiền còn thiếu là: 954.676.424 đồng.

Xét thấy đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, được khởi kiện trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế P, bà Phạm Thị Thu H đối với Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện B, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long:

Tại Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 21/10/2020, UBND huyện B xác định chủ sử dụng đất bị thu hồi là hộ ông P, bà H thu hồi đối với diện tích đất là 4561,8m² của gia đình ông để thực hiện dự án: Xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long. Trong vụ án, ông P, bà H không khởi kiện đối với Quyết định số 2776/QĐ-UBND mà khởi kiện đối với Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND thị huyện B, đây là quyết định được ban hành trên cơ sở quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã ban hành trước đó nên khi xem xét về trình tự, thủ tục ban hành quyết định cần xem xét toàn bộ trình tự, thủ tục thu hồi đất.

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị kiện:

Ngày 21/10/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2776/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất hộ ông P tại tổ 8 (8C), thị trấn Phố Ràng để xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long. Cùng ngày

21/10/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2717/QĐ-UBND, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long (Lần 7) đối với 75 hộ trong đó có hộ ông P .

Ngày 04/5/2024, UBND huyện B ban hành Quyết định số 851/QĐ-UBND, Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long (Giá trị về tài sản).

Như vậy, Quyết định số 2776/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất hộ ông P do UBND huyện B ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Theo điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 quy định: “UBND cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”. UBND huyện B đã ban hành quyết định về việc thu hồi đất nên cũng có thẩm quyền ban hành Quyết định số: 2717/QĐ-UBND và Quyết định số 851/QĐ-UBND, Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long (Giá trị tài sản) là đúng quy định pháp luật.

[3.2] Về trình tự, thủ tục:

- Ngày 21/10/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 2776/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất hộ ông P tại tổ 8 (8C), thị trấn Phố Ràng để xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long. Cùng ngày, UBND huyện B Quyết định số 2717/QĐ-UBND, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long (Lần 7) đối với 75 hộ trong đó có hộ ông P , bồi thường về đất, tài sản, hoa màu và các chính sách hỗ trợ khác.

- Ngày 26/12/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B ban hành Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với ông P, bà H có áp giá bồi thường, hỗ trợ về tài sản (Giá trị về tài sản) số tiền là: 1.888.831.000 đồng.

- Năm 2023, UBND huyện B ban hành Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ (Dự thảo). Trong đó tổng số tiền gia đình ông P, bà H được bồi thường, hỗ trợ về tài sản (Giá trị về tài sản) là: 1.888.831.000 đồng.

- Ngày 20/4/2023, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B tiến hành niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông P, bà H để GPMB công trình Thủy điện Phúc Long.

- Ngày 11/5/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B lập biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông P, bà H để GPMB công trình Thủy điện Phúc Long.

- Ngày 11/11/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B ban hành văn bản số 356/TTPTQĐ-GPMB về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án thủy điện Phúc Long;

- Ngày 18/3/2024, Phòng TN&MT huyện B ban hành Thông báo số: 37/TB-TNMT, về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng công trình Thủy điện Phúc Long đối với hộ ông P có nội dung bồi thường, hỗ trợ về tài sản (Giá trị về tài sản) của hộ ông P là: 934.155.000 đồng;

- Ngày 04/5/2024, UBND huyện B ban hành Quyết định số 851/QĐ-UBND, Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long (Giá trị tài sản) đối với hộ ông P tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 934.154.576 đồng.

Xét thấy: Ngày 21/10/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2776/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất hộ ông P, cùng ngày UBND huyện B ban hành Quyết định số 2717/QĐ-UBND, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long (Lần 7) đối với 75 hộ trong đó có hộ ông P. Nhưng đến ngày 04/5/2024, UBND huyện B mới ban hành Quyết định số 851/QĐ-UBND, Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long (Giá trị về tài sản) đối với hộ ông P.

Hơn nữa, thấy rằng từ khi lập Phương án chi tiết bồi thường đến khi ban hành Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ (Dự thảo), UBND huyện B đã tiến hành thẩm định giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản (Giá trị tài sản) của gia đình ông P với số tiền là: 1.888.831.000 đồng, niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường đối với hộ ông P, bà Hà. Quá trình, niêm yết công khai dự thảo phương án, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B cũng đã tiến hành họp lấy ý kiến của hộ gia đình ông P, đại diện Chủ đầu tư: Công ty thủy điện Phúc Long đối với khối lượng đào ao, hình thức đào ao, mức áp giá bồi thường. Đến khi ban hành Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ (chính thức), số tiền được bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông P là 934.154.576 đồng. Như vậy, việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 851/QĐ-UBND, Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long (khối lượng đào ao) đối với hộ ông P chưa đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[3.3] Về nội dung:

Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện B, có nội dung: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông P tổng số tiền là: 934.154.576 đồng (Giá trị tài sản).

Xét thấy, UBND huyện B thu hồi đối với diện tích đất là 4.561,8m² của ông P để thực hiện dự án: Xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long. Bồi thường về đất, tài sản, hoa màu và các chính sách hỗ trợ khác, tổng số tiền là 956.719.956 đồng, số tiền này ông P, bà H đã nhận và đến nay không ý kiến gì. Tuy nhiên, đối với số tiền bồi thường về Giá trị tài sản là 934.154.576 đồng theo Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND, ông P không nhất trí và cho rằng cho gia đình ông phải được bồi thường tổng số tiền 1.888.831.000 đồng.

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất:

Năm 1999, ông T (bỏ đẻ ông P) được UBND huyện B cấp GCNQSD đất, số vào sổ số: 00684 đối với diện tích đất: 9.669m² gồm các thửa đất số: 02; 72; 75; 55; 54 thuộc tờ bản đồ số 16, loại đất: Đất màu, đất lúa, đất thổ cư, đất vườn và đất trồng cây lâu năm, tại địa chỉ thị trấn Phó Ràng, huyện B. Năm 2003, ông T được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất màu sang đất trồng nguyên vật liệu đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16 với diện tích 1.712m².

Đến khi UBND huyện B thực hiện việc đo đạc, cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất, ông P có đơn xin cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 16 (nhận cho tặng từ ông Tho). Ngày 24/11/2009, ông P được cấp GCNQSD đất số AI 167156 có diện tích: 5.927,9m² tại tổ 8c, thị trấn Phố Ràng tờ bản đồ số 35 gồm các thửa: Thửa đất số 166, diện tích 1980.3m², loại đất nuôi trồng thủy sản và Thửa đất số 178, diện tích 3947.6m², loại đất trồng cây lâu năm.

Về quá trình sử dụng đất, ông P cho rằng từ năm 1999 ông T đã sử dụng diện tích đất trên để trồng lúa, đến năm 2003 ông T có đào ao để thả cá và tận dụng đất thừa để làm gạch. Khi đào ao, gia đình ông P đã sử dụng phương pháp thủ công dùng cuốc, xẻng, xe trâu vận chuyển cho công nông chở đi, đến năm 2015 thì chỉnh sửa bờ bằng máy.

Quá trình giải quyết vụ án UBND huyện B cho rằng năm 1999, ông T đã được cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 16 mục đích sử dụng đất trồng lúa, trong quá trình sử dụng ông T đào đất tại thửa đất trên để lấy đất làm nguyên vật liệu sản xuất gạch (*được thể hiện tại danh sách xác nhận nhân công đào ao năm 2003-2015 do ông P lập ngày 18/5/2021; biên bản làm việc ngày 31/3/2023*). Đến năm 2008 khi thực hiện đo đạc, chuẩn hóa hồ sơ địa chính tại thị trấn Phố Ràng thửa đất trên được cấp GCNQSD đất mang tên ông P với mục đích là nuôi trồng thủy sản. Mục đích ban đầu của ông T là đào đất để làm nguyên liệu sản xuất gạch, sau đó tỉnh Lào Cai có chủ trương xóa bỏ lò gạch thủ công thì gia đình ông P có tận dụng địa hình có sẵn để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Như vậy, khối lượng đào ao của ông P được áp dụng tại đơn giá 72.000đ/m³ nên giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản (khối lượng đào ao) của ông P là: 934.154.576 đồng theo như Quyết định số: 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024, là có căn cứ đúng pháp luật.

Tuy nhiên Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Khi UBND huyện B thực hiện thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã tiến hành nhiều cuộc họp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng. Tại cuộc họp ngày 31/3/2023, Về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và kết thúc phương án dự thảo GPMB công trình: Thủy điện phúc Long đối với hộ ông P, có sự tham gia của đại diện Phòng TN&MT; Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất; Đại diện UBND thị trấn Phố Ràng, huyện B; Chủ đầu tư Công ty Thủy điện Phúc Long; Đại diện tổ dân phố số 8 và đại diện các hộ gia đình. Trong cuộc họp, ông Lưu Bá Sơn là Tổ trưởng TDP số 8 và tổ dân phố số 8 (ông Phạm Văn Toàn, bà Nguyễn Thị Hồng) đều có ý kiến cho rằng hộ ông T có thuê người đào ao bằng hình thức thủ công, mục đích chính là làm ao thả cá, phần đất thừa để tận dụng làm gạch. Đến năm 2015, gia đình ông T có thuê máy về sửa bờ, như vậy, việc ông P cho rằng gia đình anh đào ao để thả cá, sau đó mới tận dụng đất thừa để làm gạch là có căn cứ.

Theo báo cáo số: 279/BC-UBND ngày 01/8/2016 của UBND huyện B, về thực hiện lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công trên địa bàn huyện B có nội dung thể hiện việc ông T đã xây dựng 01 lò đốt gạch nung, lò vòng (Hofman) nên Tổ kiểm tra đã yêu cầu ông T chấm dứt việc đốt gạch đất sét nung bằng công nghệ lò vòng trước năm 2018. Như vậy, có căn cứ để xác định tại thời điểm năm

2016, ông T vẫn đốt lò, sản xuất gạch và ông T chỉ xây dựng 01 lò gạch trên diện tích thửa đất số 02, tờ bản đồ số 16, đã được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất màu sang đất trồng nguyên vật liệu chứ không phải xây dựng trên thửa đất số 54, tờ bản đồ số 16 đã tặng cho ông P. Nên việc, UBND huyện B cho rằng mục đích ban đầu của ông T là đào đất để làm nguyên liệu sản xuất gạch, sau đó tỉnh Lào Cai có chủ trương xóa bỏ lò gạch thủ công thì gia đình ông P có tận dụng địa hình có sẵn để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản là không có cơ sở.

Tại phụ lục IV.8.a Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Lào Cai, Quyết định ban hành quy định một số nội dung bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, quy định:

8	Đào ao bằng thủ công và đào ao bằng máy		
<i>a</i>	<i>Đào ao bằng thủ công (bao gồm cả vận chuyển đất đi, đắp bờ)</i>		
-	<i>Chiều sâu trung bình của ao $\leq 1,7m$</i>	<i>m³</i>	<i>135,000</i>
-	<i>Chiều sâu trung bình của ao $> 1,7m$</i>	<i>m³</i>	<i>148,500</i>
-	<i>Đào ao bằng thủ công lợi dụng địa hình trũng, khe đồi (tính khối lượng đất đắp bờ, khối lượng nạo vét lòng ao). Khối lượng phải được kiểm tra xác định có đủ căn cứ theo địa hình thực tế nhưng khối lượng nạo vét trung bình không quá 0,3 m. Nếu ao vừa có khối lượng đào vừa đắp bờ thì phải xác định cụ thể khối lượng đào và đắp theo thực tế. Nếu không xác định được khối lượng đào đắp, nạo vét thực tế thì tính bằng 80% thể tích chứa nước hiện có của ao.</i>	<i>m³</i>	<i>72,000</i>

Như vậy việc người khởi kiện cho rằng gia đình ông đào ao bằng hình thức thủ công bằng tay, sau đó thì chỉnh sửa bờ bằng máy là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thể hiện tại danh sách nhân công đào ao năm 2003-2015, do ông P lập ngày 18/5/2021. Hơn nữa, hình thức đào ao, khối lượng đào ao thủ công và đào máy với chiều sâu $> 1,7m$ được UBND huyện B thẩm định, xác nhận tại Thông báo số: 37/TB-TNMT ngày 18/3/2024 của Phòng TN&MT huyện B. Tuy nhiên, việc UBND huyện B áp dụng đơn giá để tính hỗ trợ khối lượng đào ao của anh Phòng 72.000 đồng/m³, với lý do gia đình ông P đào ao bằng hình thức thủ công nhưng lợi dụng địa hình có sẵn là không có cơ sở.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông P về việc hủy toàn bộ Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện B, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông P, bà H về việc yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện B bổ sung khoản bồi thường, hỗ trợ về tài sản (khối lượng đào ao) đối với gia đình ông P, bà H là 954.676.424 đồng.

Như đã nhận định ở trên thì yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số:851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND huyện B , phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long được chấp nhận nên đối với yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện B bổ sung khoản bồi thường, hỗ trợ đối về tài sản (Giá trị tài sản) đối với ông P, bà H là 954.676.424 đồng có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện ông P, bà H không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm; Người bị kiện UBND huyện B phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 66, Điều 69, Điều 83 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện Ông Nguyễn Thế P và bà Phạm Thị Thu H:

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện B , phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Thủy điện Phúc Long, huyện B , tỉnh Lào Cai.

- Buộc UBND huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ: Bổ sung khoản bồi thường, hỗ trợ giá trị về tài sản (*Khối lượng đào ao*) đối với gia đình ông Nguyễn Thế P, bà Phạm Thị Thu H theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thế P, bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông P, bà H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P, số 0000164 ngày 15/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Ủy ban nhân dân huyện B , tỉnh Lào Cai phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Toàn

Quảng Văn Chính

Phùng Chí Thiện